TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Pc**

Bản án số: 105/2023/DS-PT
Ngày: 05-5-2023
Về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Chia di sản thừa kế, Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử Pc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hưng

Các Thẩm phán : Ông Cao Minh Lễ

Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Đỗ Phước Thành, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử Pc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2023/TLPT-DS ngày 24/02/2023 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Chia di sản thừa kế, Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".*

Do Bản án số 218/2022/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXX-PT ngày 28/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2023/QĐ-PT ngày 17/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Ngọc M, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: khóm Trung T5, phường Mỹ T6, thành phố X, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Số 15/5A, khóm Đông Thịnh 1, phường Mỹ Phước, thành phố X, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Bạch T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 909/1, khóm Tây Khánh 6, phường Mỹ H, thành phố X, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Văn K, sinh năm 1978 - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Ngô Quốc D, sinh năm 1974 (có mặt)

Bà Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1978 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 33/9, khóm Trung T5, phường Mỹ T6, thành phố X, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan H N, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 20/10A, khóm Đông T5 A, phường Mỹ T5, thành phố X, tỉnh An Giang (Theo giấy ủy quyền ngày 16/3/2020). (có mặt)

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Ngô Thái H, sinh năm 1942 (ông H chết ngày 09/02/2020).

3.2. Bà Võ Thị Mỳ N1, sinh năm 1942 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 33/9, khóm Trung T5, phường Mỹ T6, thành phố X, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà Mỳ N1: Ông Trần Quốc V, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp Trung P 3, xã Vĩnh P, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (Theo giấy ủy quyền ngày 21/7/2022). (có mặt)

3.3. Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã Vĩnh Hậu, huyện An P, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ngô Văn S, khóm Đông A, phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang.

3.4. Ông Trần Văn P1, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: đường số 3, khóm K, phường Mỹ H, thành phố X, tỉnh An Giang.

3.5. Ông Trương Văn C, sinh năm 1980 (có mặt)

3.6. Bà Lê Thị Tiền G, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khóm Trung T5, phường Mỹ T6, thành phố X, tỉnh An Giang.

3.7. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1982 (vắng mặt)

3.8. Bà Trần Ngọc Lan H2, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường Lê D4, khóm T7, phường Mỹ P3, thành phố X, tỉnh An Giang.

3.9. Ủy ban nhân dân thành phố X. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: đường Nguyễn Thái H4, phường Mỹ H, thành phố X, tỉnh An Giang.

4. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Ngô Thái H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1. Bà Võ Thị Mỳ N1, sinh năm 1942 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khóm Trung T5, phường Mỹ T6, thành phố X, tỉnh An Giang.

4.2. Bà Ngô Thị Ngọc M, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: khóm Trung T5, phường Mỹ T6, thành phố X, tỉnh An Giang.

Tạm trú: khóm Đông T8, phường Mỹ P2, thành phố X, thành phố X, tỉnh An Giang.

4.3. Ông Ngô Quốc D, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: khóm Trung T5, phường Mỹ T6, thành phố X, tỉnh An Giang.

4.4. Ông Ngô Quốc T2 (Ngô Quốc T3), sinh năm 1965 (chết năm 2006)

4.5. Ông Ngô Quốc Đạt, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp An B, xã Đ, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

4.6. Bà Ngô Thị Ngọc B, sinh năm 1976 (không có mặt trong suốt thời gian xét xử)

Địa chỉ: ấp Mỹ H, xã Mỹ Luông, huyện Chợ M2, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: đường Phạm Cự L4, khóm 4, phường P2, thành phố X, tỉnh An Giang.

5. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô Quốc Tấn (Ngô Quốc Tuấn):

5.1. Bà Phan Thị D, sinh năm 1965 (vắng mặt)

5.2. Bà Ngô Thị Mỹ H3, sinh năm 1984 (vắng mặt)

5.3. Bà Ngô Thị Mỹ T3, sinh năm 1987 (vắng mặt)

5.4. Bà Ngô Thị Mỹ D1, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm Đông 4, phường Mỹ P2, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo:

- Bà Ngô Thị Ngọc M, nguyên đơn.

- Bà Võ Thị Mỳ N1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện các ngày 05/8/2019, 15/11/2019 và đơn khởi kiện bổ sung các ngày 27/02/2020, 17/8/2020, 31/8/2020, 19/5/2021, 11/10/2021 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Bạch T trình bày:

Năm 2001, bà M được cha mẹ là ông Ngô Thái H và bà Võ Thị Mỳ N1 cho khu nhà phía sau nhà lớn và phần đất ngang 5m, dài 15m, tổng diện tích 75m^2. Phần nhà và đất này được xác định là tài sản riêng của bà M có hộ khẩu riêng vào năm 2007. Đến năm 2012, em trai của bà M là ông Ngô Quốc D cùng vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc T1 được cha mẹ của bà M tạm sang tên bằng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, mục đích để vay vốn làm ăn và hứa sau này sẽ trả lại. Ngày 28/6/2012, ông D, bà T1 được Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK614003, diện tích 985,2m^2, thửa 92, tờ bản đồ số 7. Đến cuối năm 2018 đầu năm 2019 (mùng 05 tết), ông Ngô Quốc D nói cần sửa chữa lại nhà nên yêu cầu bà M tạm thời dọn ra ngoài một thời gian sau khi xây cất xong thì dọn về nhưng khi bà M dọn về thì ông D, bà T1 gây sự, ngăn cản. Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Yêu cầu công nhận diện tích 73,9 m^2 tại các điểm 3, 19, 17, 18 theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 24/4/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên cho bà Ngô Ngọc M;

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Ngô Thái H, bà Võ Thị Mỳ N1 và ông Ngô Quốc D, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 lập ngày 14/6/2012 tại văn phòng công chứng Hoàng Gia An Giang;

Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK614003 (số vào sổ CH03182) thuộc thửa 92, tờ bản đồ số 07, diện tích 985,2m^2 cấp cho ông Ngô Quốc D, bà Nguyễn Thị Ngọc T1, cấp ngày 28/6/2012;

Yêu cầu ông Ngô Quốc D, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 bồi thường thiệt hại số tiền 28.000.000đ do căn nhà gỗ bị tháo dỡ nằm trên đất bị chiếm đoạt (ngang 5 m x dài 15 m);

Yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại về tiền thuê nhà trọ mỗi tháng 1.500.000 đồng, tính từ ngày 09/02/2019 đến 09/11/2021. Tổng cộng 33 tháng x 1.500.000 đồng = 49.500.000 đồng và yêu cầu tính đến ngày Tòa án xét xử;

Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật phần diện tích đất 911,3 m^2 và căn nhà diện tích 108,9 m^2 của ông Ngô Thái H (chết ngày 09/02/2020) cho hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm: Võ Thị Mỳ N1, Ngô Quốc Tấn, Ngô Quốc Đạt, Ngô Quốc D, Ngô Thị Ngọc Bích và Ngô Thị Ngọc M. Bà M yêu cầu được nhận

phần diện tích đất 75,94 m^2 và 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Đối với phần mái che phía trước nhà lớn, bà M không yêu cầu đo đạc, định giá.

Đối với phần chồng ranh đất với quyền sử dụng đất của giấy chứng nhận của ông Trần Quốc V, bà Nguyễn Bạch T là 13,70m^2, loại đất ở, được giới hạn tại các điểm 32, 34, 30, 35, 22 thì bà M không tranh chấp.

Bị đơn Ngô Quốc D, Nguyễn Thị Ngọc T1 không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn ủy quyền cho ông Phan H N trình bày: Bị đơn không đồng ý toàn bộ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do phần đất này ông D, bà T1 được cha mẹ là ông Ngô Thái H, bà Võ Thị Mỳ N1 tặng cho theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 14/6/2012 nên ông D và bà T1 được Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK614003 diện tích 985,2m^2, thửa 92, tờ bản đồ số 7, cấp ngày 28/6/2012.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Thị Mỳ Nà có đơn yêu cầu độc lập ngày 31/3/2021 - Người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Quốc V trình bày: Ngày 14/6/2012, ông Ngô Thái H, bà Võ Thị Mỳ N1 có ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con trai là Ngô Quốc D và con dâu là Nguyễn Thị Ngọc T1, mục đích để vay vốn làm ăn. Nay, yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Võ Thị Mỹ N1, ông Ngô Thái H và ông Ngô Quốc D, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 được lập ngày 14/6/2012 là vô hiệu, vì đây là giao dịch dân sự giả tạo, không đủ điều kiện cấp đất. Yêu cầu xử lý hậu quả, khôi phục lại tình trạng ban đầu, giao trả quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị Mỳ N1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Ngô Thái H, ông Ngô Quốc Tấn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và yêu cầu độc lập của bà Võ Thị Mỳ N1.

Tại Bản án số 218/2022/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Thị Ngọc M đối với bị đơn Ngô Quốc D, Nguyễn Thị Ngọc T1 về việc:

Yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Ngô Thái H, bà Võ Thị Mỳ N1 và vợ chồng Ngô Quốc D, Nguyễn Thị Ngọc T1 lập ngày 14/6/2012;

Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK614003 (số vào sổ CH03182) do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 28/6/2012 cho Ngô Quốc D, Nguyễn Thị Ngọc T1;

Yêu cầu công nhận diện tích 73,9 m^2 tại các điểm 3, 19, 17, 18 theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 24/4/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên;

Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật phần diện tích đất 911,3 m^2 cho hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm: Võ Thị Mỳ N1, Ngô Quốc Tấn, Ngô Quốc Đạt, Ngô Quốc D, Ngô Thị Ngọc Bích và Ngô Thị Ngọc M (Bà M yêu cầu được nhận một phần diện tích đất 75,94 m^2 và 200.000.000 đồng);

Yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại số tiền 28.000.000 đồng do căn nhà gỗ ngang 5 m x dài 15 m, bị tháo dỡ nằm trên đất bị chiếm đoạt;

Yêu cầu bồi thường thiệt hại về tiền thuê nhà trọ từ ngày 09/02/2019 đến ngày xét xử 29/12/2022 = 67.500.000 đồng.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật căn nhà diện tích 108,9 m^2 của ông Ngô Thái H (chết ngày 09/02/2020) cho hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm: Võ Thị Mỳ N1, Ngô Quốc Tấn, Ngô Quốc Đạt, Ngô Quốc D, Ngô Thị Ngọc Bích và Ngô Thị Ngọc M.

[3] Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mỳ N1 đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 14/6/2012 giữa ông H, bà N1 và ông D, bà T1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/01/2023, bà Ngô Thị Ngọc M và bà Võ Thị Mỳ N1 có đơn kháng cáo với cùng nội dung không đồng ý với bản án sơ thẩm vì không đúng với sự thật khách quan, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu độc lập của bà M và bà N1.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Bà Ngô Thị Ngọc M xác nhận việc cha mẹ lập giấy cho đất vào ngày 30/12/2011 chỉ riêng bà Ngô Thị Ngọc Bích biết và cho rằng cha mẹ đã tặng cho bà phần đất có diện tích 75m^2, đồng thời xác định hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông H, bà N1 với ông D, T1 là giả tạo do cha mẹ chỉ tạo điều kiện để ông D, bà T1 vay vốn ngân hàng chứ không cho đứt. Xác nhận Tờ cho đất do bà M giữ từ trước đến nay và không giao nộp cho Tòa án khi vụ án được thụ lý giải quyết và chỉ đến khi xét xử, Tòa án cho rằng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh thì bà mới giao nộp khi lập thủ tục kháng cáo.

Ông Trần Quốc V thống nhất với trình bày của bà M và yêu cầu Tòa án cấp Pc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N1 và của bà M.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Ngô Thị Ngọc M, Luật sư Đặng Văn Kiệt phát biểu: việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông H, bà N1 với ông D, bà T1 là có thật nhưng ông H, bà N1 vì tH2 con và để giúp con có vốn làm ăn nên đã lập hợp đồng tặng cho để ông D, bà T1 vay vốn ngân hàng, đây chính là hợp đồng giả cách và qua diễn biến phiên tòa, người đại diện của bị đơn cho rằng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh hợp đồng giả cách thì việc ông H, bà N1 cũng đã từng lập hợp đồng giả cách để bà Bích, ông Hùng được đứng tên quyền sử dụng để vay vốn ngân hàng nhưng khi không còn nhu cầu, ông Hùng, bà Bích đã chuyển quyền sử dụng đất lại cho ông H, bà N1 thì đây chính là chứng cứ.

Chính vì ông D, bà T1 bội tín, không chuyển quyền sử dụng đất lại mà đến hiện nay, bà N1 từ một người có cả nghìn m^2 đất đã phải thuê nhà trọ để ở, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử quan tâm, cân nhắc chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đương sự.

Ngoài ra, qua trình bày của những người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông D, bà T1 đã xác định được Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa sơ thẩm đã không vô tư, khách quan trong việc giải quyết vụ án, đã quyết định trước về kết quả giải quyết vụ án là không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để từ đó gợi ý những người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất rút lại yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng là vi phạm nguyên tắc xét xử, và trường hợp Tòa án cấp Pc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm sẽ xâm phạm đến quyền lợi của những người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông D, bà T1; đáng lẽ phải giải quyết luôn những yêu cầu về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong cùng vụ án thì mới giải quyết triệt để vụ án.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử quan tâm, cân nhắc xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M, trường hợp không thể sửa bản án đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án để giải quyết lại cho triệt để vụ án.

Ông Phan H N đại diện hợp pháp của ông Ngô Quốc D, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 có ý kiến: hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông H, bà N1 được lập thành văn bản, công chứng bởi công chứng viên và cho đến hiện nay không có một tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh đây là hợp đồng giả tạo. Việc tranh chấp giữa những người thân trong gia đình thì chỉ có riêng họ mới hiểu rõ nhất nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu đã thu thập được để giải quyết vụ án. Đối với ý kiến cho rằng cấp sơ thẩm không vô tư, khách quan thì bản thân cho rằng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa sơ thẩm có giải thích động viên những người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất rút yêu cầu độc lập cũng chỉ nhằm thu gọn

phạm vi xét xử và từ đó có thể giải quyết vụ án cách nhanh chóng hơn, đối với quyền – nghĩa vụ của các bên liên quan đều được đảm bảo nên không có căn cứ gì để xác định Thẩm phán được phân công tại cấp sơ thẩm không vô tư, khách quan. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu về vụ án: từ khi thụ lý Pc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự, đại diện hợp pháp của đương sự thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: cho rằng việc tặng cho giữa ông H, bà N1 với ông D, bà T1 là vô hiệu do giả tạo nên nguyên đơn là bà Ngô Thị Ngọc M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Mỳ N1 đã kháng cáo theo như các nội dung đã được trình bày nhưng không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào xác định hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là vô hiệu nên không có cơ sở để chấp nhận về tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu.

Từ việc không chấp nhận tuyên bố hợp đồng vô hiệu, tài sản là quyền sử dụng đất 985,2m^2 không còn là tài sản thuộc quyền sử dụng của ông H, bà N1 nên không có cơ sơ để chấp nhận về yêu cầu chia thừa kế.

Về yêu cầu bồi thường nhà, tiền thuê nhà trọ: chính bà M cũng thừa nhận bà đã tự nguyện dọn ra bên ngoài để ở khi ông D xây cất lại căn nhà nên không có cơ sở để buộc ông D phải trả tiền thuê nhà trọ cho bà. Việc yêu cầu bồi thường căn nhà, qua xem xét thẩm định tại chỗ đã không còn dấu tích căn nhà như bà M mô tả nên yêu cầu của bà M không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M, bà N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm và các đương sự phải chịu tiền án phí Pc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa đã cho thấy:

[1] Về thủ tục: bà Võ Thị Mỳ N1 và bà Ngô Thị Ngọc M làm đơn kháng cáo trong hạn luật định, bà Mỳ N1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí được Tòa án chấp nhận và bà M nộp tiền tạm ứng án phí trong hạn luật định nên kháng cáo của bà N1 và bà M là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: các đương sự đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia phiên tòa nhiều lần, tuy nhiên, ông Ngô Quốc Đạt, bà Phan Thị Dễ, bà Ngô Thị Mỹ Hằng, bà

Ngô Thị Mỹ Thi, bà Ngô Thị Mỹ Duyên, bà Lê Thị Tiền Giang, ông Nguyễn Văn H1, bà Trần Ngọc Lan H2 vắng mặt không rõ lý do, Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, bên cạnh đó, bà Ngô Thị Ngọc Bích không có mặt tại phiên tòa trong suốt thời gian xét xử mà không được Chủ tọa phiên tòa đồng ý nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 234 và Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về kháng cáo của bà Võ Thị Mỳ N1 và bà Ngô Thị Ngọc M, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về kháng cáo của bà Ngô Thị Ngọc M yêu cầu ông Ngô Quốc D và bà Nguyễn Thị Kim T1 phải thực hiện chuyển quyền sử dụng cho bà đối với phần đất có diện tích 75m^2 vì cho rằng bà được cha mẹ cho phần đất có diện tích ngang 5m, dài 15m vào năm 2001:

Để chứng minh cho yêu cầu của bà là có căn cứ, khi thực hiện thủ tục kháng cáo, bà đã nộp bổ sung tài liệu là văn bản "Tờ cho đất" ngày 30/12/2011 nhưng xét diễn biến tại phiên tòa, bà M xác nhận chỉ bà Ngô Thị Ngọc Bích biết việc ông Ngô Thái H, bà Võ Thị Mỳ N1 cho bà M phần đất có diện tích 75m^2 và làm chứng trong tờ cho đất.

Hội đồng xét xử xét thấy: bà Ngô Thị Ngọc M cho rằng bà được cha mẹ là ông Ngô Thái H và bà Võ Thị Mỳ N1 tặng cho 75m^2 bằng việc ông H và bà N1 lập tờ cho đất ngày 30/12/2011 nhưng Hội đồng xét xử xét thấy Tờ cho đất ngày 30/12/2011 có nội dung và hình thức của văn bản tặng cho không đúng với quy định theo Điều 689 và Điều 723 Bộ luật dân sự năm 2005 và kể từ khi ông Ngô Thái H, bà Võ Thị Mỳ N1 lập tờ cho đất đến ngày ông H, bà N1 ký hợp đồng tặng quyền sử dụng đất cho ông Ngô Quốc D, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 là trên 05 tháng (ngày 14/6/2012) nhưng ông H, bà N1 và bà M không thực hiện nghĩa đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền là không đúng theo quy định tại Điều 46, Điều 107, Điều 129 Luật đất đai năm 2003; bên cạnh đó, ngoài lời trình bày của bà M về việc bà cất nhà ở trên phần đất do cha mẹ cho thì không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để xác định ông H, bà N1 đã giao phần đất 75m^2 cho bà M và trên cơ sở hợp đồng tặng cho, ngày 28/6/2012 Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK614003 (số vào sổ CH03182) cho ông Ngô Quốc D và bà Nguyễn Thị Ngọc T1 đứng tên đối với phần đất có 985,2m^2 nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M đối với yêu cầu ông Ngô Quốc D và bà Nguyễn Thị Kim T1 phải thực hiện chuyển quyền sử dụng cho bà đối với phần đất có diện tích 75m^2.

[3.2] Về kháng cáo yêu cầu tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 14/6/2012 giữa ông Ngô Thái H, bà Võ Thị Mỳ N1 với ông Ngô Quốc D, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 vô hiệu, Hội đồng xét xử xét thấy: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M cho rằng việc ông Ngô Thái H và bà Võ Thị Mỳ N1 đã từng lập hợp đồng giả tạo cho con là bà Ngô Thị Ngọc Bích, ông Nguyễn Thanh Hùng đứng tên vay tiền ngân hàng để xác định việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông H, bà N1 với ông D, bà T1 cũng là giả tạo là không đúng vì việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông H, bà N1 với ông Hùng, bà Bích và việc tặng cho

quyền sử dụng đất giữa ông H, bà N1 với ông D, bà T1 là hai sự việc hoàn toàn khác nhau, đồng thời, ngoài lời trình bày cho rằng việc ông H, bà N1 tặng cho quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 985,2m^2 vô hiệu do đây là hợp đồng giả tạo vì ông H, bà N1 chỉ cho ông D, bà T1 mượn quyền sử dụng đất để vay ngân hàng làm vốn chăn nuôi nhưng ý kiến của bà N1, bà M không được ông D, bà T1 xác nhận và ngoài hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Ngô Thái H, bà Võ Thị Mỳ N1 với ông Ngô Quốc D, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 được công chứng tại Văn phòng công chứng Hoàng Gia An Giang vào ngày 14/6/2012 chứng tỏ giữa ông H, bà N1 với ông D, bà T1 đã xác lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 985,2m^2 đúng với nội dung và hình thức được quy định tại Điều 689 và Điều 723 Bộ luật dân sự năm 2005 thì bà M, bà N1 không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho trình bà của hai bà là có căn cứ nên không có cơ sở để xác định hợp đồng tặng cho được xác lập ngày 14/6/2012 giữa ông Ngô Thái H, bà Võ Thị Mỳ N1 với ông Ngô Quốc D, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 vô hiệu do giả tạo.

[3.3] Về kháng cáo yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D, bà T1 và chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất 911,3m^2, Hội đồng xét xử xét thấy: như đã phân tích tại phần [3.2], do phần đất đã được ông H, bà N1 tặng cho ông D, bà T1 trước thời điểm ông H chết nên phần tài sản này không còn là tài sản của ông D, bà N1 và trên cơ sở của hợp đồng, Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK614003 (số vào sổ CH03182) ngày 28/6/2012 cho Ngô Quốc D, Nguyễn Thị Ngọc T1 là đúng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50, Điều 52, Điều 123 Luật đất đai năm 2003 nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần đất có diện tích 911,3m^2 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK614003 (số vào sổ CH03182) do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 28/6/2012 cho Ngô Quốc D, Nguyễn Thị Ngọc T1 đứng tên.

[3.4] Về kháng cáo của bà Ngô Thị Ngọc M yêu cầu bồi thường tiền thuê nhà trọ và tiền do căn nhà bị tháo dỡ, Hội đồng xét xử xét thấy: bà Ngô Thị Ngọc M cho rằng khi được cha mẹ cho đất, bà đã cất nhà ở trên đất nhưng tại phiên tòa ông D lại xác định bà M có về và sử dụng một phần căn nhà thuộc căn nhà chính của gia đình để ở và sinh hoạt, do phải xây dựng lại căn nhà, bà M đã dọn ra ngoài ở nên không đồng ý với yêu cầu của bà M. Lời trình bày này của ông D đã được xác nhận bởi trình bày của bà M về việc bà ở, sinh hoạt trong một phần không gian trong căn nhà chính và dọn ra ngoài ở khi ông D có yêu cầu để ông sửa nhà. Như vậy, qua trình bày, thừa nhận của đương sự có thể thấy phần căn nhà mà bà M có yêu cầu bồi thường là một phần của căn nhà ông H, bà N1 và do phải tu bổ, sửa chữa lại căn nhà, ông D đã yêu cầu bà M dọn đi, bà M đã tự di dời, tìm nơi ở khác để ông D tháo dỡ, tu bổ, sửa chữa, xây dựng lại căn nhà nên không có căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Ngọc M đối với yêu cầu ông D bồi thường tiền thuê nhà trọ và tiền do căn nhà bị tháo dỡ.

[4] Đối với ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm không khách quan khi giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký Tòa án ghi biên bản và Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi theo quy định tại các điều 52, 53, 54 và 60 Bộ luật tố tụng dân sự và qua trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm không có bất kỳ gợi ý, hứa hẹn về kết quả giải quyết vụ án và không có tài liệu, chứng cứ nào khác để xác định Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa sơ thẩm đã quyết định về vụ án khi chưa thực hiện việc xét xử; việc những người liên quan có yêu cầu độc lập đã rút lại yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ, dành quyền khởi kiện cho họ là có căn cứ, phù hợp với quyền tự định đoạt của đương sự. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

[5] Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Ngọc M, của bà Võ Thị Mỳ N1 không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà M còn phải chịu tiền án phí dân sự Pc thẩm, bà Võ Thị Mỳ N1 là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên bà N1 được miễn tiền án phí dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 688, Điều 689, Điều 691, Điều 722, Điều 723, Điều 724, Điều 725 và Điều 726 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 49, Điều 50, Điều 105, Điều 106, Điều 107 và Điều 129 Luật Đất đai 2003;

Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 589, Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 614 và Điều 649 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án,

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Ngọc M, của bà Võ Thị Mỳ N1.

Giữ nguyên Bản án số 218/2022/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Thị Ngọc M đối với bị đơn Ngô Quốc D, Nguyễn Thị Ngọc T1 về việc:

Yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Ngô Thái H, bà Võ Thị Mỳ N1 và vợ chồng Ngô Quốc D, Nguyễn Thị Ngọc T1 lập ngày 14/6/2012;

Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK614003 (số vào sổ CH03182) do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 28/6/2012 cho Ngô Quốc D, Nguyễn Thị Ngọc T1;

Yêu cầu công nhận diện tích 73,9 m^2 tại các điểm 3, 19, 17, 18 theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 24/4/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên;

Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật phần diện tích đất 911,3 m^2 cho hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm: Võ Thị Mỳ N1, Ngô Quốc Tấn, Ngô Quốc Đạt, Ngô Quốc D, Ngô Thị Ngọc Bích và Ngô Thị Ngọc M (Bà M yêu cầu được nhận một phần diện tích đất 75,94 m^2 và 200.000.000 đồng);

Yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại số tiền 28.000.000 đồng do căn nhà gỗ ngang 5 m x dài 15 m, bị tháo dỡ nằm trên đất bị chiếm đoạt;

Yêu cầu bồi thường thiệt hại về tiền thuê nhà trọ từ ngày 09/02/2019 đến ngày xét xử 29/12/2022 = 67.500.000 đồng.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật căn nhà diện tích 108,9 m^2 của ông Ngô Thái H (chết ngày 09/02/2020) cho hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm: Võ Thị Mỳ N1, Ngô Quốc Tấn, Ngô Quốc Đạt, Ngô Quốc D, Ngô Thị Ngọc Bích và Ngô Thị Ngọc M.

[3] Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mỳ N1 đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 14/6/2012 giữa ông H, bà N1 và ông D, bà T1.

[4] Về chi phí tố tụng

Bà Ngô Thị Ngọc M phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản là 3.114.500 đồng. Bà M đã thực hiện xong.

[5] Về án phí:

Bà Ngô Thị Ngọc M phải nộp 5.075.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 14.560.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 005904 ngày 16/12/2019 và 1.230.000 đồng theo biên lai thu số 0000623 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà Ngô Thị Ngọc M được nhận lại 10.715.000 đồng.

Bà Ngô Thị Ngọc M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự Pc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001228 ngày 11/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thanh phố Long Xuyên (đã nộp xong).

Bà Võ Thị Mỳ N1 miễn tiền án phí dân sự.

[6] Các phần khác của Bản án số 218/2022/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu P không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Bản án Pc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- Đương sự;
- Lưu (Văn phòng Tòa án tỉnh, hồ sơ).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Hưng